

Bản án số: 2404/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 12 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Linh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phú

2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Thương, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1249/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 707/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn* là bà C, sinh năm 1985; địa chỉ: đường H, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn đề nghị vắng mặt);

2. *Bị đơn* là ông D, sinh năm 1975; địa chỉ: đường P, Phường J, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu: Bà và ông D kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thới Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống có hai người con tên: T, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2010 và A, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2014.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2020 mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, quan điểm sống khác biệt. Từ nhiều năm đôi bên đã không còn chung sống cùng nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn, tình cảm thương yêu của bà đối với ông D không còn, nên bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con tên T và A. Bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để nộp hoặc đưa ra ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

-Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán xác định vụ án dân sự ly hôn là đúng theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; xác định đương sự trong vụ án đúng theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thực hiện đúng thủ tục nhận và xử lý đơn yêu cầu giải quyết vụ án dân sự theo quy định tại Điều 191, Điều 195, Điều 196, Điều 197 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai trẻ: T, sinh ngày 29/6/2010 và A, sinh ngày 20/11/2014, nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là bà C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án giữa bà C và ông D là ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa bà C và ông D là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyền số 01/2009, ngày 06 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban nhân dân xã Thới Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Bà C yêu cầu ly hôn ông D, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông D đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng vẫn không nộp (gửi) cho Tòa án ý kiến của mình hay có mặt tại Tòa án, để tham gia hòa giải đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình về việc giải quyết vụ án. Điều này thể hiện ông D không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà C, như vậy thực chất hôn nhân giữa đôi bên đã không còn, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông D theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình là có cơ sở.

[3.2] *Về con chung*: Xét thấy quá trình chung sống đôi bên có hai con chung tên: T, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2010 và A, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2014. Hiện trẻ T sống cùng với bà C, còn trẻ A đang sống cùng với ông D. Do trẻ A bị hội chứng West (nhuyễn não) từ nhỏ (Bệnh án tóm tắt ngày 28/12/2015 của Bệnh viện Nhi đồng 2 và giấy xác nhận khuyết tật số 03/HCM/BTH/173 ngày 15/8/2018 của Ủy ban nhân dân Phường 13 quận Bình Thạnh), không đi lại, không nói được và không có khả năng nhận thức mọi việc xung quanh nên bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi hai trẻ để thuận tiện việc chăm sóc con. Hội đồng xét xử xét thấy: Hai trẻ đều là trẻ gái, trong đó có một trẻ đang bị bệnh, nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc và gần gũi của người mẹ, mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông D không nộp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình về người trực tiếp nuôi con. Vì vậy để đảm bảo việc nuôi dạy và chăm sóc trẻ tốt nhất, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao hai trẻ cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung*: Bà C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] *Về nợ chung*: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn*: Bà C phải chịu án phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tuyên xử:

1. *Về quan hệ vợ chồng*: Bà C được ly hôn với ông D.

2. *Về con chung*: Giao trẻ T, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2010 và A, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2014 cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi tiền cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Bà C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về nợ chung*: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0028050 ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; Bà C đã nộp đủ án phí.

6. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Linh Phượng

